

STT

H VÀ TÊN

VÒNG 1

VÒNG 2

VÒNG 3

VÒNG 4

T NG

1

Phan Đức Nhật Minh

244

300

298

300

1142

2

Đông Anh Vũ

212

246

256

140

854

3

Nguyễn Đức Duy

192

224

126

200

742

4

Đông Minh Hữu

184

112

184

210

690

5

Trình Đốc Hoàn

180

138

90

220

628

6

Trần Huy Hùng

212

178

132

100

622

7

Phan Duy Đức

184

112

130

150

576

8

Chu Minh Hiếu

132

180

114

40

466

9

Lưu Thị Minh Quang

120

146

198

0

464

10

Lê Quang Hoàng

136

132

92

40

400

11

Trần Quang Huy

116

82

60

258

12

Phạm Hoàng Quân

124

106

14

0

244

13

Phạm Tiến Đạt

120

0

80

10

210

14

Nguyễn Công Khang

60

100

0

160

15

Nguyễn Đức Minh Tuấn

92

20

112

Hà Nội, 15/03/2014

(đã ký)

H Ồ c Phẫ̃ng